

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2022

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

X
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

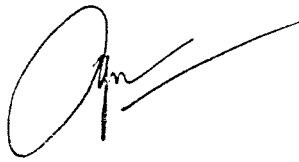
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2022

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN/HN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ I NĂM 2022	1-2
2	B02-DN/HN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ I NĂM 2022	3-3
3	B03-DN/HN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ I NĂM 2022	4-4
4	B09-DN/HN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ I NĂM 2022	5-20

NGƯỜI LẬP



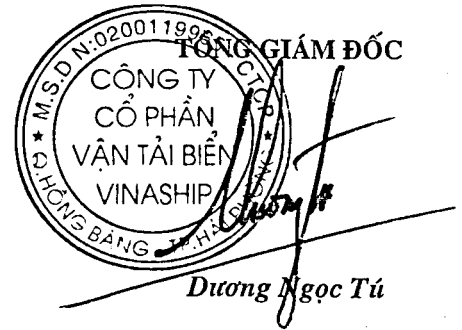
Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP
HẢI PHÒNG

Dương Ngọc Tú

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2022	NGÀY 01/01/2022
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		329.825.681.116	353.944.846.810
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	127.101.300.557	178.500.086.206
1 - Tiền	111		127.101.300.557	158.500.086.206
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	80.252.904.110	40.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.252.904.110	40.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.389.483.089	60.897.430.886
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32.019.712.764	30.233.162.041
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.222.888.603	1.191.489.885
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	19.838.469.500	40.164.366.738
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.691.587.778)	(10.691.587.778)
IV - Hàng tồn kho	140		45.744.128.336	43.486.569.667
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	45.744.128.336	43.486.569.667
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		33.337.865.024	31.060.760.051
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.798.378.133	2.569.764.889
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.242.588.906	22.827.630.352
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	296.897.985	5.663.364.810
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		332.399.552.438	359.955.157.266
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		284.672.374.506	306.509.733.605
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	284.328.785.610	306.120.644.711
- Nguyên giá	222		1.392.407.966.860	1.392.407.966.860
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.108.079.181.250)	(1.086.287.322.149)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	343.588.896	389.088.894
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(321.065.604)	(275.565.606)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	5.206.464.993	5.424.942.921
- Nguyên giá	231		24.550.647.769	24.550.647.769
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.344.182.776)	(19.125.704.848)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	1.498.013.731	1.030.015.564
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.498.013.731	1.030.015.564
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		121.679.205	121.679.205
1 - Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 - Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(415.749.320)	(415.749.320)
5 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V - Tài sản dài hạn khác	260		40.901.020.003	46.868.785.971
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	40.901.020.003	46.868.785.971
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		662.225.233.554	713.900.004.076

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2022	NGÀY 01/01/2022
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		379.768.457.377	471.617.122.782
I - Nợ ngắn hạn	310		291.675.717.800	380.545.803.948
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	37.078.315.841	26.120.610.664
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		717.163.300	111.355.200
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.278.131.617	924.133.687
4 - Phải trả người lao động	314		24.408.223.534	35.039.280.750
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.227.477.560	912.500.990
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	8.224.442.953	31.072.272.120
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	113.188.750.192	154.564.700.606
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	100.027.377.703	130.767.814.831
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		525.835.100	1.033.135.100
II - Nợ dài hạn	330		88.092.739.577	91.071.318.834
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	9.147.714.007	9.874.262.994
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	78.945.025.570	81.197.055.840
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		282.456.776.177	242.282.881.294
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	282.456.776.177	242.282.881.294
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(475.945.677)	(40.649.840.560)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(40.649.840.560)	(80.336.534.093)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.173.894.883	39.686.693.533
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		662.225.233.554	713.900.004.076

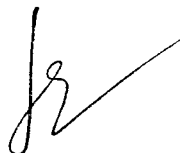
Lập ngày 10 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

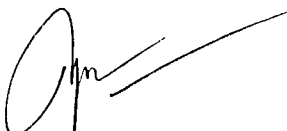
Mẫu số : B02-DN
(Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2022**

Đơn vị tính: VND

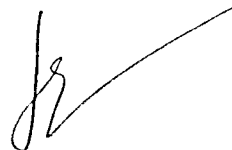
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ I	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	232.319.249.342	147.081.265.778	232.319.249.342	147.081.265.778
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	232.319.249.342	147.081.265.778	232.319.249.342	147.081.265.778
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	167.037.244.655	140.743.043.122	167.037.244.655	140.743.043.122
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		65.282.004.687	6.338.222.656	65.282.004.687	6.338.222.656
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	1.160.129.910	148.477.242	1.160.129.910	148.477.242
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	3.686.326.006	5.478.205.917	3.686.326.006	5.478.205.917
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		3.562.542.179	5.406.087.922	3.562.542.179	5.406.087.922
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	4.190.141.778	3.874.558.306	4.190.141.778	3.874.558.306
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	8.481.545.236	5.911.630.148	8.481.545.236	5.911.630.148
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		50.084.121.577	(8.777.694.473)	50.084.121.577	(8.777.694.473)
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	227	12.000.000.398	227	12.000.000.398
13 - Chi phí khác	32	VI.31	-	1	-	1
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		227	12.000.000.397	227	12.000.000.397
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		50.084.121.804	3.222.305.924	50.084.121.804	3.222.305.924
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.910.226.921	10.811.978	9.910.226.921	10.811.978
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		40.173.894.883	3.211.493.946	40.173.894.883	3.211.493.946
19- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.173.894.883	3.211.493.946	40.173.894.883	3.211.493.946
20- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.009	161	2.009	161
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP

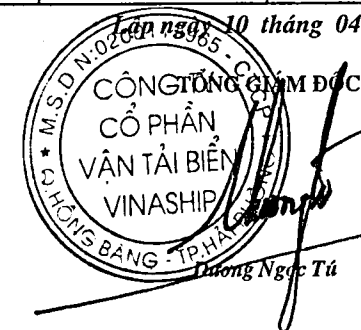


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



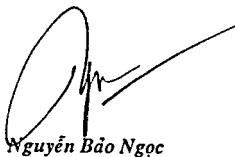
Trần Thị Thanh Hương



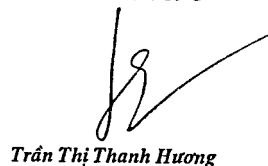
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 QUÝ I NĂM 2022

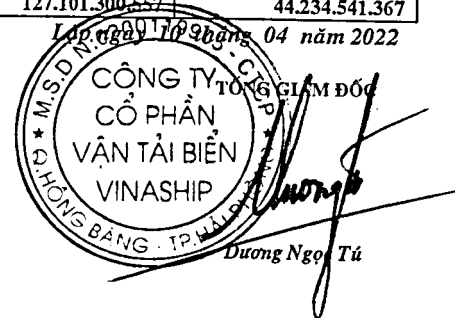
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		50.084.121.804	3.222.305.924
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.055.837.027	21.594.653.697
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		21.298.254	(112.506.704)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(612.191.733)	(2.743.971)
- Chi phí lãi vay	06		3.562.542.179	5.406.087.922
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(12.000.000.000)
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.111.607.531	18.107.796.868
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.805.301.865)	6.508.368.700
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.257.558.669)	474.830.328
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23.373.012.882)	11.584.911.898
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.767.516.224	(4.067.387.930)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(654.953.419)	(5.029.882.693)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.693.386)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(507.300.000)	(436.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.268.303.534	27.142.637.171
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(831.084.921)	(2.936.746.000)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.252.904.110)	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	-
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(456.228.000)
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.206.273.926	2.743.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.877.715.105)	(3.390.230.029)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	-	1.700.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(56.348.000.000)	(3.200.000.000)
5 - Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.348.000.000)	(1.500.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(51.957.411.571)	22.252.407.142
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		178.500.086.206	21.935.504.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		558.625.922	46.629.820
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		127.101.300.557	44.234.541.367

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY I NĂM 2022

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2022, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2022, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 534 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý I năm 2022 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế trong quý 1/2022 có sự sụt giảm về giá cước thời điểm trước Tết Nguyên Đán, tuy nhiên từ giữa tháng 2, thị trường đã phục hồi ở các phân khúc tàu hàng khô với xu hướng tăng của chỉ số BDI từ mức 1400 điểm lên mức 2700 điểm vào giữa tháng 3. Vì vậy, doanh thu vận tải biển trong Quý 1 năm 2022 vẫn được bù đắp và duy trì ở mức cao, cao hơn quý trước và tăng vượt trội so với cùng kỳ năm ngoái, đồng thời kịp đáp ứng được cho khoản chi phí nhiên liệu tăng đột biến do tình hình chiến sự tại Ukraine.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán quý I : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03 của năm. Kỳ kế toán quý I năm 2022 bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến 31/03/2022.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.
+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	Toàn công ty Ngày 31/03/2022	Toàn công ty Ngày 01/01/2022
1- Tiền		
- Tiền mặt	421.448.559	855.575.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.679.851.998	157.644.511.206
- Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	127.101.300.557	178.500.086.206
2- Các khoản đầu tư tài chính		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.252.904.110	40.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	80.252.904.110	40.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	537.428.525	537.428.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/03/2022</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	80.790.332.635	40.537.428.525
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(415.749.320)	(415.749.320)
Cộng	(415.749.320)	(415.749.320)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ số	1.847.843.828	1.850.361.117
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	10.635.289.073	10.635.289.073
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	19.536.579.863	17.747.511.851
Cộng	32.019.712.764	30.233.162.041
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	4.616.945.490	3.763.266.242
- Ký cược, ký quỹ	1.369.000.000	21.369.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.272.780.201	3.399.486.506
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH trách nhiệm cao	-	-
-KPCĐ	-	210.392
-BH tai nạn	9.871.886	10.831.386
- Bảo hiểm xã hội	102.807.602	258.217.581
- Bảo hiểm y tế	13.269.971	14.166.547
- Bảo hiểm thất nghiệp	21.494.131	38.669.348

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B 09-DN

- Thuế TNCN	-	15.891.386
- Phải thu khoản hỗ trợ thành phố trong việc bàn giao đất TM8	-	317.252.000
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
- Lãi dự thu	-	594.082.193
- Các khoản phải thu khác	105.857.232	56.850.170
+ Phải thu khác	<u>105.857.232</u>	<u>56.850.170</u>
Cộng	<u>19.838.469.500</u>	<u>40.164.366.738</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Ngày 31/03/2022	Ngày 01/01/2022
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
-Nguyễn Văn Bình	370.500.000	370.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	88.033.050	88.033.050
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	<u>10.691.587.778</u>	<u>10.691.587.778</u>
6- Hàng tồn kho	Ngày 31/03/2022	Ngày 01/01/2022
- Nguyên liệu, vật liệu	45.580.792.808	43.318.914.139
- Công cụ, dụng cụ	10.704.000	15.024.000
- Hàng hoá	<u>152.631.528</u>	<u>152.631.528</u>
Cộng	<u>45.744.128.336</u>	<u>43.486.569.667</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang	Ngày 31/03/2022	Ngày 01/01/2022
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lộ đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	<u>1.406.056.531</u>	<u>938.058.364</u>
Cộng	<u>1.498.013.731</u>	<u>1.030.015.564</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Quý I năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1 . Số dư đầu kỳ		6.530.306.188	1.385.429.517.365	130.752.694	317.390.613	1.392.407.966.860
2 . Số tăng trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó :						
- Do mua sắm						-
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3 . Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó :						
4 . Số cuối kỳ		6.530.306.188	1.385.429.517.365	130.752.694	317.390.613	1.392.407.966.860
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.239.945.900	81.484.557.213	100.752.694	284.881.522	85.110.137.329
- Chờ thanh lý						-
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1 . Đầu kỳ		5.055.150.335	1.080.812.809.859	124.185.883	295.176.072	1.086.287.322.149
2 . Tăng trong kỳ		51.803.751	21.736.952.102	1.071.429	2.031.819	21.791.859.101
- Khấu hao		51.803.751	21.736.952.102	1.071.429	2.031.819	21.791.859.101
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3 . Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4 . Số cuối kỳ		5.106.954.086	1.102.549.761.961	125.257.312	297.207.891	1.108.079.181.250
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1 . Đầu kỳ		1.475.155.853	304.616.707.506	6.566.811	22.214.541	306.120.644.711
2 . Cuối kỳ		1.423.352.102	282.879.755.404	5.495.382	20.182.722	284.328.785.610
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			273.399.385.824			273.399.385.824

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình Quý I năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
Trong đó :				
- Mua trong kỳ				-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
Trong đó :				
- Giảm khác				-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Đầu kỳ		-	275.565.606	275.565.606
2. Tăng trong kỳ		-	45.499.998	45.499.998
Do trích khấu hao			45.499.998	45.499.998
3. Giảm trong kỳ		-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45				-
- Giảm khác				-
4. Số cuối kỳ		-	321.065.604	321.065.604
III - Giá trị còn lại				
1. Đầu kỳ		-	389.088.894	389.088.894
2. Cuối kỳ		-	343.588.896	343.588.896

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính Quý I năm 2022: Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư Quý I năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ		24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
- Do chuyển từ TSCĐ sang				-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
Trong đó :				
- Do chuyển sang TSCĐ hữu hình				-
4. Số dư cuối kỳ		24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
II - Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu kỳ		18.997.414.702	128.290.146	19.125.704.848
2. Số tăng trong kỳ		218.477.928	-	218.477.928
- Do chuyển từ TSCĐ sang				-
- Do trích khấu hao		218.477.928		218.477.928
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		19.215.892.630	128.290.146	19.344.182.776
III - Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu kỳ		5.424.942.921	-	5.424.942.921
4. Số dư cuối kỳ		5.206.464.993		5.206.464.993

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.768.047.107	2.544.186.967
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.331.026	25.577.922
Cộng	<u>2.798.378.133</u>	<u>2.569.764.889</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	40.870.312.676	46.821.579.143
- Chi phí trả trước dài hạn khác	30.707.327	47.206.828
Cộng	<u>40.901.020.003</u>	<u>46.868.785.971</u>
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Vay ngắn hạn	-	28.000.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	-	28.000.000.000
b) Vay dài hạn	178.972.403.273	183.964.870.671
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	100.027.377.703	102.767.814.831
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	28.097.000.000	31.097.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	71.930.377.703	71.670.814.831
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	-	-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	78.945.025.570	81.197.055.840
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	22.365.450.000	25.713.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	55.684.545.150	55.483.605.840
+ Nợ dài hạn DATC	895.030.420	-
Cộng	<u>178.972.403.273</u>	<u>211.964.870.671</u>
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	24.345.865.500	3.107.559.450
Phải trả các đối tượng khác	12.732.450.341	23.013.051.214
Cộng	<u>37.078.315.841</u>	<u>26.120.610.664</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	623.038.881	826.292.978
- Thuế TNDN	4.543.760.096	12.693.386
- Thuế thu nhập cá nhân	111.332.640	85.147.323
Cộng	<u>5.278.131.617</u>	<u>924.133.687</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	5.366.466.825
- Tiền thuê đất được giảm 30% trong năm 2021	296.897.985	296.897.985
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước	-	
Cộng	296.897.985	5.663.364.810
17- Chi phí phải trả	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	136.127.352	136.990.990
- Chi phí phải trả khác	2.091.350.208	775.510.000
	2.227.477.560	912.500.990
18- Phải trả khác	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	38.485.877	221.038.600
- Kinh phí công đoàn	94.819.447	33.288.974
- Bảo hiểm y tế	61.618.965	48.191.321
- Thuế TNCN	150.835.627	46.017.533
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.690.341.588	7.690.341.588
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.636.435.477	1.673.159.607
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	41.591.622.818	37.863.792.536
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	61.350.008.110	106.389.790.051
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	542.582.283	567.080.396
Cộng	113.188.750.192	154.564.700.606
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	9.147.714.007	9.874.262.994
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	-	-
Cộng	9.147.714.007	9.874.262.994
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	8.224.442.953	31.057.933.597
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	-	14.338.523
Cộng	8.224.442.953	31.072.272.120

20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý I năm 2022

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.473.796.732)	64.458.925.122
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay				177.823.956.172	177.823.956.172
- Lãi năm 2021					-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(40.649.840.560)	242.282.881.294
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(40.649.840.560)	242.282.881.294
-Lãi Quý I				40.173.894.883	40.173.894.883
Số dư cuối ngày 31/03/2022	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(475.945.677)	282.456.776.177

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2021</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VĐL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
d) Cổ phiếu	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
d) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<u>82.932.721.854</u>	<u>82.932.721.854</u>
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.333.684,91	6.530.523,26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>Quý I Năm 2022</u>	<u>Quý I Năm 2021</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	232.319.249.342	147.081.265.778
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.319.249.342	147.081.265.778
Trong đó :		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	220.137.119.325	130.623.005.413
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	12.182.130.017	16.458.260.365
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	232.319.249.342	147.081.265.778
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	167.037.244.655	140.743.043.122
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	156.304.031.042	125.587.108.482
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	10.733.213.613	15.155.934.640
Cộng	167.037.244.655	140.743.043.122
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	1.160.129.910	148.477.242
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	612.180.933	2.743.971
- Lãi bán cổ phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	547.938.177	33.226.567
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	112.506.704
Cộng	1.160.129.910	148.477.242
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	3.686.326.006	5.478.205.917
- Chi phí lãi vay	3.562.542.179	5.406.087.922
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	102.455.247	72.005.561
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	21.298.254	-
- Chi phí tài chính khác	30.326	112.434
Cộng	3.686.326.006	5.478.205.917
30- Thu nhập khác	227	12.000.000.398
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	-	12.000.000.000
- Các khoản khác	227	398
Cộng	227	12.000.000.398
31- Chi phí khác	-	1
- Các khoản khác	-	1
Cộng	-	1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

	<u>Quý I Năm 2022</u>	<u>Quý I Năm 2021</u>
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	4.190.141.778	3.874.558.306
Hoa hồng phí cho các tàu	4.190.141.778	3.874.558.306
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.481.545.236	5.911.630.148
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	263.635.513	389.073.990
Chi phí nhân công	7.052.313.338	4.487.184.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.195.735	164.749.867
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.412.518	308.145.634
Chi phí khác bằng tiền	605.988.132	557.475.892
Cộng	<u>12.671.687.014</u>	<u>9.786.188.454</u>

	<u>Quý I Năm 2022</u>	<u>Quý I Năm 2021</u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :		
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.004.903.545	55.479.627.114
- Nhiên liệu	74.925.068.000	52.473.590.486
- Nguyên liệu, vật liệu	4.079.835.545	3.006.036.628
33.2- Chi phí nhân công	33.508.108.339	25.092.077.867
- Tiền lương	29.288.453.400	21.093.280.000
- BHXH	1.723.254.620	1.596.542.675
- Bảo hiểm y tế	206.694.551	199.413.162
- Bảo hiểm thất nghiệp	(21.375)	103.338.274
- Kinh phí công đoàn	202.740.865	170.354.756
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	2.086.986.278	1.929.149.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.055.837.027	21.594.653.697
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.865.915.017	47.982.913.129
33.6- Chi phí khác bằng tiền	1.274.167.741	1.271.033.580
Cộng	<u>179.708.931.669</u>	<u>151.420.305.387</u>

34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.910.226.921	10.811.978
---	---------------	------------

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Quý I Năm 2022</u>	<u>Quý I Năm 2021</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	1.700.000.000
- Tiền thu từ đi vay	-	1.700.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	56.348.000.000	3.200.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	56.348.000.000	3.200.000.000

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Quý I Năm 2022</u>	<u>Quý I Năm 2021</u>
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.720.630.239	774.641.066
Thu nhập của Tổng Giám đốc	321.220.792	154.153.407
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	<u>Ngày 31/03/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	7.179.066.588	7.179.066.588
Phải trả khác	33.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021
Vận tải biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	220.137.119.325	130.623.005.413
- Chi phí	168.249.978.120	134.696.475.542
- Lợi nhuận	51.887.141.205	(4.073.470.129)
Hoạt động dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	12.182.130.017	16.458.260.365
- Chi phí	11.458.953.549	15.832.756.034
- Lợi nhuận	723.176.468	625.504.331
Hoạt động tài chính		
- Doanh thu tài chính	1.160.129.910	148.477.242
- Chi phí tài chính	3.686.326.006	5.478.205.917
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(2.526.196.096)	(5.329.728.675)
Hoạt động khác		
- Thu nhập hoạt động khác	227	12.000.000.398
- Chi phí hoạt động khác	-	1
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	227	12.000.000.397

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương



Đương Ngọc Tú